

Bản án số: 492/2020/HS-ST

Ngày: 09/9/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Thìn

2. Ông Hoàng Xuân Trúc

**- Thư ký Tòa án:** Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Trương Kim Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 467/2020/TLST-HSST ngày 17 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc T.** Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam.

Sinh năm 1991, tại thành phố Hải Phòng.

Nơi đăng ký HKTT tại 15/3, Tôn Đản, pH1 P, quận H, thành phố Hải Phòng.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 05/12. Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Con ông Nguyễn Ngọc Tr, sinh năm: 1959 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1958 (đã chết). Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là Nguyễn Trần Thị Ngọc Trâm, sinh năm 1996, có 01 con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

*Nhân thân:* Ngày 29/10/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử 08 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2016.

Bị bắt tạm giam từ ngày 19/3/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà 1569/C, tổ 3, khu phố M, phường Th, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Có mặt.
2. Bà Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố Bình Hòa 2, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt
3. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1972; địa chỉ: số nhà 314A, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Có mặt
4. Bà Lê Thị Yến Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Hẻm 1811, số nhà 13B, đường Bùi Hữu Nghĩa, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt
5. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố Vĩnh Phước, phường H, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10 năm 2019, Nguyễn Ngọc T hoạt động cho vay tiền lấy lãi theo hình thức cho vay tiền đúng, trả tiền lãi theo ngày, mỗi lần cho vay từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) cho một lần vay và người vay tiền còn phải trả tiền phí từ 5% cho đến 10% trên tổng số tiền vay, khi nào trả hết tiền gốc vay thì người vay không phải trả lãi nữa, cụ thể:

Nếu người vay với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), phải trả tiền lãi 100.000 đồng/ngày hoặc vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), phải trả lãi 200.000 đồng/ngày; tương đương với lãi suất 01 ngày là 2%/ngày, tương đương với lãi suất 01 tháng là 60%/tháng, tương đương với lãi suất 01 năm là 720%/năm; mức lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm (tương đương với 0,0548%/ngày);

Từ tháng 10/2019 đến ngày 18/3/2020, Nguyễn Ngọc T đã cho 08 người vay tiền trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương vay với lãi suất cao, thu lợi bất chính lớn. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã điều tra làm rõ được trong số 08 người vay tiền của Nguyễn Ngọc T thì có 05 người vay tiền, với tổng số tiền cho vay là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), với mức lãi suất là 720%/năm (*vượt quá lãi suất 100%/năm theo quy định tại Điều 201 Bộ Luật Hình sự*). Tổng cộng số tiền T đã thu lợi bất chính là 51.794.508 đồng (năm mươi một triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm lẻ tám đồng), còn lại 03 người vay Cơ quan điều tra chưa làm việc được, cụ thể 05 người vay tiền như sau:

1. Ngày 20/01/2020, cho chị Lê Thị H1, sinh năm 1972; ngụ tại khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, vay số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), trả lãi theo ngày, mỗi ngày trả tiền lời là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), đã đóng đến ngày 09/3/2020 (tương đương 50 ngày), thu lời được số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng); số tiền lãi hợp pháp T được hưởng trong 50 ngày là

$5.000.000 \text{ đồng} \times 0.0548\%/\text{ngày} (20\% \text{ năm}/365 \text{ ngày}) \times 50 \text{ ngày} = 137.000 \text{ đồng}$  (một trăm ba mươi bảy nghìn đồng); đã thu lợi bất chính số tiền là:  $5.000.000 \text{ đồng} - 137.000 \text{ đồng} = 4.863.000 \text{ đồng}$  (bốn triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng); còn số tiền gốc là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) chưa trả.

2. Ngày 15/10/2019, cho chị Nguyễn Thị Minh H, sinh năm: 1977; ngụ tại phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, vay 03 lần, mỗi lần số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), tổng cộng vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), với hình thức trả lãi theo ngày, mỗi ngày đóng tiền lãi là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), đóng đến ngày 16/3/2020 (tương đương với 154 ngày), đã thu lãi được số tiền là 17.100.000 đồng (mười bảy triệu, một trăm nghìn đồng) bao gồm cả tiền phí; số tiền lãi hợp pháp T được hưởng trong 154 ngày là  $17.100.000 \text{ đồng} \times 0.0548\%/\text{ngày} (20\% \text{ năm}/365 \text{ ngày}) \times 154 \text{ ngày} = 1.443.103 \text{ đồng}$  (một triệu, bốn trăm bốn mươi ba nghìn, một trăm lẻ ba đồng); đã thu lợi bất chính số tiền là  $17.100.000 \text{ đồng} - 1.443.103 \text{ đồng} = 15.656.897 \text{ đồng}$  (mười lăm triệu, sáu trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi bảy đồng); còn số tiền gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) chưa trả.

3. Ngày 25/10/2019, cho chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1979; ngụ tại phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, vay 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, tổng cộng vay số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), trả lãi theo ngày, mỗi ngày trả tiền lãi là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), thu phí số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), đóng đến ngày 16/3/2020 (tương đương với 144 ngày, trừ 9 ngày không thu), thu lãi được số tiền là 13.500.000 đồng (mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng), tổng cộng đã thu lãi là 13.500.000 đồng (mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng) + 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) = 13.700.000 đồng (mười ba triệu, bảy trăm nghìn đồng); số tiền lãi hợp pháp T được hưởng trong 135 ngày là  $13.700.000 \text{ đồng} \times 0.0548\%/\text{ngày} (20\% \text{ năm}/365 \text{ ngày}) \times 135 \text{ ngày} = 1.013.526 \text{ đồng}$  (một triệu, không trăm mười ba nghìn, năm trăm hai mươi sáu đồng); đã thu lợi bất chính số tiền là:  $13.700.000 \text{ đồng} - 1.013.526 \text{ đồng} = 12.686.474 \text{ đồng}$  (mười hai triệu, sáu trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi bốn đồng); còn số tiền gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) chưa trả.

4. Ngày 09/3/2020, cho chị Lê Thị Yến Th, sinh năm 1982; ngụ tại 13, khu phố 1, phường T, TP Biên Hòa, vay 01 lần, với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trả lãi theo ngày, mỗi ngày trả tiền lãi là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), thu phí số tiền là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), đóng đến ngày 16/3/2020 (tương đương với 07 ngày), thu lãi được số tiền là 1.400.000 đồng (một triệu, bốn trăm nghìn đồng), tổng cộng đã thu lãi là 1.400.000 đồng (một triệu, bốn trăm nghìn đồng) + 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) = 1.600.000 đồng (một triệu, sáu trăm nghìn đồng); số tiền lãi hợp pháp T được hưởng trong 07 ngày là  $1.600.000 \text{ đồng} \times 0.0548\%/\text{ngày} (20\% \text{ năm}/365 \text{ ngày}) \times 07 \text{ ngày} = 6.138 \text{ đồng}$  (sáu nghìn, một trăm ba mươi tám đồng); đã thu lợi bất chính số tiền là:  $1.600.000 \text{ đồng} - 6.138 \text{ đồng} = 1.593.862 \text{ đồng}$  (một triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng); còn số tiền gốc là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) chưa trả.

5. Ngày 15/9/2019, cho chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1966; ngụ tại: khu phố Bình Hòa 2, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, vay 05 lần, mỗi lần vay 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), với tổng số tiền vay là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), trả lãi theo ngày, mỗi ngày trả tiền lãi là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng), thu phí số tiền là 500.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), đóng đến ngày 16/3/2020 (tương đương với 184 ngày), thu lãi được số tiền là 18.400.000 đồng (mười tám triệu, bốn trăm nghìn đồng), tổng cộng đã thu lãi là 18.400.000 đồng (mười tám triệu, bốn trăm nghìn đồng) + 500.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) = 18.900.000 đồng (mười tám triệu, chín trăm nghìn đồng); số tiền lãi hợp pháp T được hưởng trong 184 ngày là 18.900.000 đồng x 0.0548%/ngày (20% năm/365 ngày) x 184 ngày = 1.905.725 đồng (một triệu, chín trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng); đã thu lợi bất chính số tiền là: 18.900.000 đồng – 1.905.725 đồng = 16.994.275 đồng (mười sáu triệu, chín trăm chín mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng); còn số tiền gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) chưa trả.

Tổng số tiền T đã thu lãi bất chính của 5 người vay trên là: 4.863.000 đồng + 15.656.897 đồng + 12.686.474 đồng + 1.593.862 đồng + 16.994.275 đồng = 51.794.508 đồng (Năm mươi một triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm lẻ tám đồng).

Tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là: 137.000 đồng + 1.443.103 đồng + 1.013.526 đồng + 6.138 đồng + 1.905.725 đồng = 4.505.492 đồng.

Đến khoảng 11 giờ 00 phút ngày 18/3/2020, khi Nguyễn Ngọc T đến nhà chị Lê Thị Yến Th, sinh năm 1982; địa chỉ số 13A, khu phố 1, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thu tiền lãi thì bị Công an phường T, thành phố Biên Hòa kiểm tra phát hiện trong điện thoại của T có lưu trữ dữ liệu liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng nên lập biên bản sự việc sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa để điều tra, xử lý đối với Nguyễn Ngọc T về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Quá trình điều tra Nguyễn Ngọc T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

\* *Vật chứng vụ án*: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu giữ:

- Danh sách những người vay tiền được in ra từ điện thoại của Nguyễn Ngọc T và 01 (một) giấy mượn tiền đề ngày 01/3/2020, tên người mượn Lê Thị Yến Th, với số tiền mượn là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), lưu hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone X Max số Imei: 359407082940242 của Nguyễn Ngọc T sử dụng để liên lạc trong việc cho vay lãi nặng;

\* *Về trách nhiệm dân sự*: Những người vay tiền không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thu vượt quá 20% lãi suất quy định theo pháp luật.

Tại cáo trạng số 377/CT-VKSBBH ngày 02 tháng 7 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc T về tội: “Cho vay lãi

nặng trong giao dịch dân sự”, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, công nhận nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự).

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ: 20 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; Phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ.

*\* Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên:

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone X Max số Imei: 359407082940242 của Nguyễn Ngọc T là phương tiện dùng vào việc phạm tội.

- Buộc 05 người vay tiền của bị cáo Nguyễn Ngọc T, cụ thể: chị Lê Thị H1 nộp lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), chị Nguyễn Thị Minh H nộp lại số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chị Nguyễn Thị Minh T nộp lại số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chị Lê Thị Yến Th nộp lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và chị Nguyễn Thị Cẩm V nộp lại số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); Tổng số tiền là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) đây là tổng số tiền 05 người vay chưa trả cho bị cáo là phương tiện của bị cáo dùng vào việc phạm tội để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Những người vay tiền không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thu vượt quá 20% lãi suất quy định theo pháp luật nên không xem xét giải quyết.

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải giao nộp số tiền 51.794.508 đồng (năm mươi một triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm lẻ tám đồng) là tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T không có ý kiến bào chữa, tranh luận đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất cho các bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Cẩm V, bà Lê Thị Yến Th, bà Nguyễn Thị Minh T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã đầy đủ và có trong hồ sơ vụ án, nên việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V, bà Yến Th và bà Minh T theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Xét thấy, lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định: Từ tháng 10/2019 đến ngày 18/3/2020, bị cáo Nguyễn Ngọc T đã thực hiện hoạt động cho vay tiền lấy lãi, cụ thể của 05 người sau: cho chị Lê Thị H1 vay 01 lần số tiền là 5.000.000đ; cho chị Nguyễn Thị Minh H vay 03 lần, mỗi lần số tiền 5.000.000đ, tổng cộng vay số tiền 15.000.000đ; cho chị Nguyễn Thị Minh T vay 03 lần, mỗi lần 5.000.000đ, tổng cộng vay số tiền 15.000.000đ; cho chị Lê Thị Yến Th vay 01 lần số tiền 10.000.000đ và cho chị Nguyễn Thị Cẩm V vay 05 lần, mỗi lần vay 5.000.000đ, với tổng số tiền vay là 25.000.000đ; Tổng số tiền bị cáo cho 05 người vay (tiền gốc) là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Hình thức cho vay là: Cho vay tiền đúng, người vay trả tiền lãi theo ngày, nếu người vay với số tiền là 5.000.000đ thì phải trả tiền lãi 100.000 đồng/ngày hoặc vay số tiền 10.000.000đ thì phải trả lãi 200.000 đồng/ngày (tương đương với lãi suất là 2%/ngày, 60%/tháng và 720%/năm).

Mức lãi suất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất không được quá 20%/ năm của khoản tiền vay...*”. Tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (tương đương là 100%/năm). Như vậy, mức lãi suất bị cáo T cho những người vay lên đến 720%/năm là vượt quá rất nhiều lần so với lãi suất theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra đã xác định được, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay là 51.794.508 đồng (*năm mươi một triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm lẻ tám đồng*).

Tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là: 137.000 đồng + 1.443.103 đồng + 1.013.526 đồng + 6.138 đồng + 1.905.725 đồng = 4.505.492 đồng.

Xét thấy, hành vi của bị cáo Nguyễn Ngọc T nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của bị cáo:

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, ảnh hưởng đến lợi ích của người khác, gây mất trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bản thân bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”, đến nay tuy không xác định là tiền án nhưng là tình tiết để đánh giá bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét tính chất mức độ tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để áp dụng hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo; nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về quyết định hình phạt:

Xét thấy, tội phạm bị cáo thực hiện là ít nghiêm trọng, bị cáo đã bị tạm giam từ khi phát hiện hành vi phạm tội đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội; Căn cứ Điều 36 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là hình phạt chính đối với bị cáo, để tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo bản thân, tiếp tục lao động, học tập tại cộng đồng và chứng tỏ sự hối cải của mình ngay trong môi trường xã hội bình thường, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú của bị cáo.

Về việc khấu trừ một phần thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên miễn cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xét thấy cần thiết phạt bổ sung bị cáo một số tiền thích hợp để nộp vào ngân sách nhà nước, nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đối với loại tội phạm này.

[7] Đối với 03 người vay do không rõ nhân thân lai lịch, không làm việc được, nên không đủ căn cứ để kết luận, Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa tách ra tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần xử lý như sau:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone X Max số Imei: 359407082940242 (vỡ kính mặt sau) của bị cáo Nguyễn Ngọc T là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).*

- Đối với số tiền gốc 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) bị cáo đã cho vay là phương tiện để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, hiện số tiền này 05 người vay chưa trả cho bị cáo. Do vậy, cần truy thu của 05 người vay tiền của bị cáo, gồm: chị Lê Thị H1 phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), chị Nguyễn Thị Minh H phải nộp lại số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp lại số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chị Lê Thị Yên Th phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và chị Nguyễn Thị Cẩm V phải nộp lại số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 51.794.508 đồng là khoản tiền lãi mà bị cáo đã thu vượt quá 20% lãi suất pháp luật quy định, đây là số tiền thu lợi bất chính của người vay, theo quy định thì bị cáo phải trả lại cho những người vay tiền, tuy nhiên cả 05 người vay không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này, nên ghi nhận sự tự nguyện của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H1, chị H, chị Minh T, chị Yên Th và chị V về vấn đề này. Xét thấy, số tiền trên bị cáo có được xuất phát từ giao dịch dân sự trái pháp luật giữa bị cáo và những người vay, được xem là khoản thu lợi bất chính. Do đó, cần buộc bị cáo phải giao nộp số tiền 51.794.508 đồng *(năm mươi một triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, năm trăm lẻ tám đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc của 05 người vay, tổng cộng là: 137.000 đồng + 1.443.103 đồng + 1.013.526 đồng + 6.138 đồng + 1.905.725 đồng = 4.505.492 đồng. Xét thấy, số tiền này tuy không bị tính khi xác định trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nhưng đây cũng là khoản tiền phát sinh từ hoạt động tội phạm. Do đó, để đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng,

chống loại tội phạm này trong xã hội, cần tịch thu khoản tiền này để sung vào ngân sách Nhà nước.

Như vậy, cần buộc bị cáo phải giao nộp tổng số tiền là: 51.794.508đ + 4.505.492đ = 56.300.000đ (*Năm mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng*), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[10] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tại phiên tòa, xét thấy tương đối phù hợp với những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định về vụ án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc T** phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- *Xử phạt*: bị cáo Nguyễn Ngọc T **02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời hạn đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/9/2020) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; cứ 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

- Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Ngọc T.

- Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Ngọc T 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Ngọc T, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Iphone X Max số Imei: 359407082940242 (vỡ kính mặt sau) của bị cáo Nguyễn Ngọc T.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).*

- Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải giao nộp số tiền là: 56.300.000đ (Năm mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của 05 người vay tiền của bị cáo, gồm: chị Lê Thị H1 phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), chị Nguyễn Thị Minh H phải nộp lại số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp lại số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), chị Lê Thị Yến Th phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và chị Nguyễn Thị Cẩm V phải nộp lại số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH1 vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Thi hành án hình sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại giam TP Biên Hòa;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trần Văn Hùng**

